

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 22 tháng 6 năm 2026

V/v “*Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Huy

- Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Đỗ Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M - sinh năm 1984; CCCD số 048184006702; Địa chỉ: 59 Đồng Kè, tổ 47, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công H - sinh năm 1978; CCCD số 048078005036; Địa chỉ: 59 Đồng Kè, tổ 47, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Công H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà Khánh, thành phố Đà Nẵng (theo giấy chứng nhận kết hôn số 274/2004 ngày 23/12/2004), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên uống rượu bia, không chịu làm ăn và hay chửi bới đánh đập bà M. Tuy nhiên vì nghĩ đến con chung nên bà M đã cố gắng chịu đựng cho đến ngày hôm nay.

Nay bà Lê Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Công H.

- *Về quan hệ con chung*: Bà Lê Thị M xác định bà và ông Nguyễn Công H có 03 người con chung là Nguyễn Lê Phương Th, sinh ngày 30/6/2006; Nguyễn Công T, sinh ngày 01/10/2009 và Nguyễn Công B, sinh ngày 16/11/2016.

Ly hôn, bà Lê Thị M có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên Nguyễn Công T và Nguyễn Công B, không yêu cầu ông Nguyễn Công H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Nguyễn Lê Phương Th, sinh ngày 30/6/2006 đã trên 18 tuổi nên không đề cập đến.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Lê Thị M xác định không có.

*** Tại nội dung biên bản phiên họp hoà giải ngày 01 tháng 4 năm 2026, ông Nguyễn Công H Trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công H và bà Lê Thị M kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà Khánh, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau.

Từ trước đến nay, khi con đang nhỏ thì ông H cũng hỗ trợ bà M trong việc nuôi con, chăm sóc gia đình, công việc bên ngoài ông H hỗ trợ hết sức. Nhưng sau khi dịch Covid xảy ra, ông H không có thu nhập nhiều nên không thể hỗ trợ nhiều trong gia đình, bà M không tôn trọng ông Hoà. Nay bà Lê Thị M yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý. Ông Hoà không có ý kiến về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông Nguyễn Công H có mặt tại phiên họp hoà giải và trình bày ý kiến, tuy nhiên không ký biên bản phiên họp.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều 171, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy trình tự do pháp luật quy định,

nhưng vẫn vắng mặt không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà Lê Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Công H

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Công T, sinh ngày 01/10/2009 và Nguyễn Công B, sinh ngày 16/11/2016 cho bà Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Công H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Đối với con chung Nguyễn Lê Phương Th, sinh ngày 30/6/2006 đã trên 18 tuổi nên không đề cập đến.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị M xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng

[1] Bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Công H có địa chỉ cư trú tại tổ 47, phường Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Công H tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Công H vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công H.

Về nội dung tranh chấp

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Nguyễn Công H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà Khánh, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Lê Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Công H, lý do là tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị M thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Tuy nhiên theo

bà M thì trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông H không có được những điều đó thể hiện ở việc ông H không có trách nhiệm với đời sống chung của gia đình, không quan tâm, sẻ chia, chăm sóc con cái cùng bà Lê Thị M.

Còn theo ông Nguyễn Công H thì trong quá trình chung sống, khi con đang nhỏ thì ông H cũng hỗ trợ bà M trong việc nuôi con, chăm sóc gia đình, công việc bên ngoài ông H hỗ trợ hết sức. Nhưng sau khi dịch Covid xảy ra, ông H không có thu nhập nhiều nên không thể hỗ trợ nhiều trong gia đình, bà M không tôn trọng ông Hoà. Nay bà Lê Thị M yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị M và ông Nguyễn Công H là có thật và đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M đối với ông Nguyễn Công H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Công T, sinh ngày 01/10/2009 và Nguyễn Công B, sinh ngày 16/11/2016.

Còn ông Nguyễn Công H không có ý kiến gì đối với yêu cầu nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Lê Thị M.

- Xét thấy việc yêu cầu và nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của bà Lê Thị M là phù hợp, vì hiện tại con chung đang được bà M chăm sóc nuôi dưỡng, bà M có công việc thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung Nguyễn Công Tài và Nguyễn Công Bảo cho bà Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Bà Lê Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Công H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Đối với con chung Nguyễn Lê Phương Th, sinh ngày 30/6/2006 đã trên 18 tuổi nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị M xác định không có.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung*" của bà Lê Thị M đối với ông Nguyễn Công H

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Công H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Công T, sinh ngày 01/10/2009 và Nguyễn Công B, sinh ngày 16/11/2016 cho bà Lê Thị M trực nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Công H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con

Đối với con chung Nguyễn Lê Phương Th, sinh ngày 30/6/2006 đã trên 18 tuổi nên không đề cập đến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị M xác định không có.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị M phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà M đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000121 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy bà Lê Thị M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình;

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND khu vực 4 - Đà Nẵng;
- UBND phường Hoà Khánh (Giấy CNKH Số 274/2004 ngày 23/12/2004);
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hữu Khánh



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên**
toà

